

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST

Ngày: 06-7-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Bút

Ông Tân Nghị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên

Ngày 06/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-KDTM ngày 14/12/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 3; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Văn P, chức vụ: Giám đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Thi Thị Thanh N, sinh năm 1999 và bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Thôn Dương Lâm 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2021*). Bà N có mặt tại phiên tòa, bà D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH A; địa chỉ đăng ký kinh doanh: Lô 05 khu B2.2 đường A1, phường A2, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ hiện tại: Số 15 đường Đ, phường P1, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Tiên T, chức vụ: Tổng giám đốc công ty.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1982; địa chỉ: 23 T9, phường H2, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền ngày 04/7/2022*). Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/12/2017, Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 3 (*sau đây gọi tắt là công ty 3*) và Công ty TNHH A (*sau đây gọi tắt là công ty A*) ký kết hợp đồng kinh tế số 15/2017/HĐKT. Theo hợp đồng thì công ty 3 bán đá xây dựng cho công ty A với tổng giá trị hợp đồng sẽ được xác định trên cơ sở khối lượng mua bán đá thực tế giữa hai bên. Địa điểm giao nhận hàng là tại kho của công ty 3 đặt tại xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty 3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chủng loại cho công ty A. Giữa công ty 3 và công ty A đã ký biên bản đối chiếu công nợ xác định tính đến ngày 31/12/2020 công ty A còn nợ công ty 3 với số tiền là 155.160.000 đồng. Mặc dù công ty 3 đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu công ty A thanh toán tiền hàng còn nợ nhưng Công ty A vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Công ty 3 nhận thấy Công ty An Viên Túc Mạnh đã vi phạm hợp đồng kinh tế mà 02 bên đã ký kết mặc dù đã được phía Công ty 3 liên tục nhắc nhở, hối thúc nhưng vẫn không thực hiện. Việc không thanh toán đúng cam kết làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty 3.

Tại phiên tòa, người đại diện của Công ty 3 yêu cầu Tòa án buộc Công ty A trả số tiền là 178.582.783 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 155.160.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 23.422.783 đồng (*lãi tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 06/7/2022 là 551 ngày với mức lãi suất*

10%/năm trên số tiền nợ gốc).

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn Công ty A trình bày:*

Công ty A và Công ty 3 có quan hệ mua bán đá xây dựng theo Hợp đồng kinh tế 15/2017/HĐKT ngày 20/12/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty 3 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chủng loại và Công ty A đã nhận đủ hàng hóa. Tuy nhiên, do Công ty A bán lại hàng hóa cho bên thứ ba nhưng chưa thu được tiền hàng và vì tình hình dịch bệnh Covid -19 nên chưa thanh toán được tiền hàng cho Công ty 3.

Tính đến ngày 31/12/2020 Công ty A còn nợ Công ty 3 số tiền nợ gốc là 155.160.000 đồng.

Quá trình tố tụng, Công ty A xin được miễn trả tiền lãi và đồng ý trả số nợ gốc 155.160.000 đồng cho Công ty 3 và xin được trả dần số tiền trên đến hết tháng 12/2022.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty A đồng ý trả nợ với số tiền nợ gốc và lãi như phía nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên vì điều kiện công ty khó khăn và chưa thu được tiền hàng từ công ty khác nên xin được trả dần số tiền trên thành 2 đợt, trong đó đợt 1 là vào ngày 31/8/2022, đợt 2 là ngày 31/12/2022.

*Tài liệu, chứng cứ của vụ án:* Đơn khởi kiện, bản sao các văn bản: Hợp đồng kinh tế 15/2017/HĐKT ngày 20/12/2017, biên bản đối chiếu công nợ, các hóa đơn GTGT và bản kê xuất đá; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của công ty 3, bản tự khai, bản kê tính lãi, giấy ủy quyền; công văn số 49/CV-ĐKKD ngày 11/02/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng về cung cấp thông tin công ty A và hồ sơ pháp lý của công ty A, bản tự khai của bị đơn.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty 3 và xử: Buộc công ty A trả cho công ty 3 số tiền nợ gốc là 155.160.000 đồng và tiền lãi 23.422.783 đồng. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty A phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn có lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện (xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) giải quyết. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *[2] Về nội dung vụ án:*

*[2.1]* Ngày 20/12/2017, Công ty 3 và Công ty A ký kết hợp đồng kinh tế số 15/2017/HĐKT. Theo đó, công ty 3 bán đá xây dựng cho công ty A (gồm đá cấp phối Dmax375 và đá 1x1.5). Quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên không có tranh chấp gì về đối tượng, chất lượng, giá cả của hàng hóa. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng mua bán giữa Công ty 3 và Công ty A là hợp pháp. Theo Điều IV của hợp đồng kinh tế số 15/2017/HĐKT ngày 20/12/2017 các bên đã thỏa thuận về phương thức và thời hạn thanh toán như sau: “*Thời hạn thanh toán: Sau khi ký hợp đồng bên B thanh toán cho bên A với phương thức: Bên B chuyển khoản theo từng đợt, và nhận hàng tương ứng với số tiền đã thanh toán, trong trường hợp bên B nhận vượt số tiền đã chuyển bên A đồng ý cho bên B*

*chậm trả nhưng không quá 5 triệu VNĐ và thời gian không quá 5 ngày. Kế hoạch thanh toán cứ như vậy cho đến khi thanh lý chấm dứt hợp đồng”*. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng thì Công ty A đã không thanh toán tiền mua hàng cho Công ty 3 đúng cam kết trong hợp đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ (từ tháng 01 - 12/2020) thì Công ty A đã xác nhận đến hết ngày 31/12/2020 Công ty A còn nợ Công ty 3 số tiền là 155.160.000 đồng. Sau ngày đối chiếu công nợ Công ty 3 đã nhiều lần yêu cầu Công ty A thanh toán nhưng Công ty A vẫn không thanh toán. Như vậy, có đủ cơ sở xác định Công ty A đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Công ty 3 yêu cầu Công ty A thanh toán số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có cơ sở, cần chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần buộc Công ty A phải có trách nhiệm trả cho Công ty 3 số tiền nợ gốc là 155.160.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi thì thấy: Công ty A đã chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận từ năm 2019, các bên đối chiếu công nợ đến hết ngày 31/12/2020 nhưng Công ty A vẫn không thanh toán cho Công ty 3. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, Công ty 3 có quyền yêu cầu Công ty A trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, về mức lãi suất, Công ty 3 chỉ yêu cầu mức lãi suất là 10%/năm (*lãi suất theo quy định của Điều 357 Bộ luật dân sự*) tức là mức thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trên thị trường, thời gian tính lãi chỉ từ tháng 01/2021 đến thời điểm tại phiên tòa; điều này có lợi cho Công ty A và là sự tự nguyện của Công ty 3 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn cũng đồng ý với số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc Công ty A phải trả tiền lãi cho Công ty 3 với số tiền là 23.422.783 đồng.

[2.3] Bị đơn Công ty A có ý kiến xin được trả dần số nợ gốc và lãi thành 2 đợt trong năm 2022 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 178.582.783 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty A phải chịu theo quy định của pháp luật là 8.929.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 430, 433, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 24, 50, 55 Luật Thương mại năm 2005,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 3 đối với Công ty TNHH A về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Buộc Công ty TNHH A phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 3 số tiền 178.582.783 đồng (*một trăm bảy tám triệu năm trăm tám hai nghìn bảy trăm tám ba đồng*), (trong đó nợ gốc là 155.160.000 đồng, tiền lãi là 23.422.783 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 8.929.000 đồng (*tám triệu chín trăm hai chín nghìn đồng*). Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng 3 số tiền 4.210.000 đồng (*bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 4117 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Anh Tuấn**